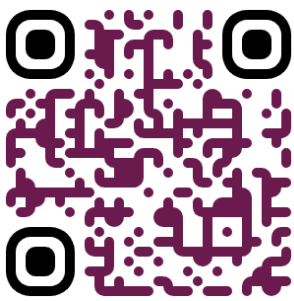
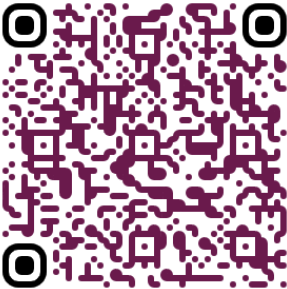


THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC: Y TẾ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã QR
Cổng Dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn/			
A	CẤP TỈNH, XÃ (liên thông) (08 TTHC)		
I	Lĩnh vực dân số - bà mẹ trẻ em (04 TTHC)		
1.	1.004946.000.00.00.H12	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	
2.	1.004944.000.00.00.H12	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	
3.	1.014331.H12	Cấp Giấy chứng sinh	

4.	1.014332.H12	Cấp lại Giấy chứng sinh	
II	Lĩnh vực bảo trợ xã hội (03 TTHC)		
1.	2.000286.000. 00.00.H12	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	
2.	2.000282.000. 00.00.H12	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	
3.	2.000477.000. 00.00.H12	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	
III	Lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội (01 TTHC)		
1.	2.001661.000. 00.00.H12	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	
B	CẤP XÃ (10 TTHC)		
I	Lĩnh vực dân số - bà mẹ trẻ em (04 TTHC)		

1.	2.001947.000. 00.00.H12	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	
2.	1.004941.000. 00.00.H12	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	
3.	2.001944.000. 00.00.H12	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	
4.	2.001942.000. 00.00.H12	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	
II	Lĩnh vực bảo trợ xã hội (06 TTHC)		
1.	1.001776.000. 00.00.H12	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	

2.	1.001731.000. 00.00.H12	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	
3.	1.001699.000. 00.00.H12	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	
4.	1.001653.000. 00.00.H12	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	
5.	1.014027.H12	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	
6.	1.014028.H12	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	